TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2024/QĐST- HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 05 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Trần Bằng H –** Sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* **Ngân Thu D** – Sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Tổ F, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Trần Bằng H – Sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Và Bà Ngân Thu D1 – Sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Tổ F, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trần Bằng H và bà Ngân Thu D1.

- Về con chung: Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên: Trần Gia K, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2018 (Giới tính: Nam) cho ông Trần Bằng H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

***- Về tài sản chung*:** Hai bên đương sự xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận tự thỏa thuận về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Bằng H và bà Ngân Thu D1 mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự về việc thuận tình ly hôn. Ông H tự nguyện nộp thay cho bà D1 toàn bộ tiền án phí. Tổng cộng ông H phải nộp 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số: 0000990 ngày 13/5/2024 tại Chi cục

Thi hành án Dân sự thành phố Cao Bằng, Cao Bằng. Ông H đã nộp đủ số tiền án phí và được hoàn lại số tiền 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- VKSND TP. Cao Bằng;
- CC THADS TP. Cao Bằng;
- UBND thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu án văn
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hiền